

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ IV - NĂM 2016

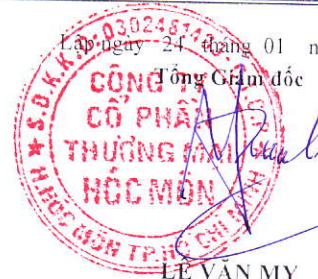
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm	
			Quý IV - 2016	Quý IV - 2015	Năm 2016	Năm 2015
I	2	3	4	5	5	7
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		317.063.376.940	212.573.809.946	1.505.439.695.486	1.229.456.140.976
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(290.986.393.255)	(190.085.112.869)	(1.370.308.952.433)	(1.104.279.797.100)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.115.088.851)	(14.012.485.694)	(64.516.042.111)	(60.115.164.887)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(10.686.385)	0	(12.966.385)	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.285.136.500)	(2.458.096.342)	(16.646.150.197)	(12.240.591.726)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.118.082.047	9.358.613.331	24.849.461.164	29.640.901.003
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.417.612.635)	(7.807.243.720)	(56.608.238.200)	(37.736.583.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.633.458.639)	7.569.484.652	22.196.807.324	44.724.904.410
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(237.931.545)	(486.955.902)	(1.662.139.272)	(2.937.169.961)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0	20.525.000.000	122.727.273	3.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(108.800.000.000)	0	(136.300.000.000)	(55.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	41.200.000.000	24.000.000.000	59.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.000.030.000)	(21.600.000)	(13.001.280.001)	(21.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		50.413.107	0	7.008.803.129	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.960.677.705	2.110.886.880	8.587.837.934	5.523.241.285
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(120.026.870.733)	63.327.330.978	(111.244.050.937)	6.767.471.324
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.000.000.000	0	5.000.000.000	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		11.830.613.849	0	14.830.613.849	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.830.613.849)	0	(14.830.613.849)	0
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.500.000)	(2.643.750.000)	(10.700.083.765)	(8.001.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.968.500.000	(2.643.750.000)	(5.700.083.765)	(8.001.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(122.691.829.372)	68.253.065.630	(94.747.327.378)	43.491.295.734
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		168.160.167.778	71.962.600.154	140.215.665.784	96.724.370.050
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		45.468.338.406	140.215.665.784	45.468.338.406	140.215.665.784

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2017



NGUYỄN THỊ THU VÂN

VÕ THỊ KIM NGÂN

LÊ VĂN MỸ